TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-8-2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn P, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm V, phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 23/3/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn P trình bày:

Bà và ông Nguyễn H có tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn muộn vào ngày 10/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là Phường C, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, hay đánh đập bà, sống chung không còn hạnh phúc nữa, bà và ông H ly thân với nhau từ tháng 11/2022 âm lịch đến nay, bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn H.

Về con chung: Bà và ông H có hai con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 25/7/2002 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 09/5/2005, hiện các cháu đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn P được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000 và đến ngày 10/9/2009 ông H và bà P là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện N (nay là Phường C, thị xã N), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà P, theo bà P cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, hay đánh đập bà, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông H, bà và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 11/2022 âm lịch đến nay không còn liên lạc với nhau và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, còn ông H đã được tòa án thông báo yêu cầu ly hôn của bà P nhưng không có ý kiến phản hồi đến Tòa án. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông H và bà P đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông Hải và bà Phụng là trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, cho bà P được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Ông H và bà P có hai con chung tên Nguyễn T, sinh ngày 25/7/2002 và cháu Nguyễn L, sinh ngày 09/5/2005 theo như bà P trình bày các cháu đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không có yêu cầu gì, còn ông H cũng không có ý kiến gì về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006545 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, bà P đã thực hiện xong án phí. Ông H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn P được ly hôn với ông Nguyễn H.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006545 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Ông H không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án còn đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường C, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng